ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP CHO SINH VIÊN LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO (DỰ KIẾN)

(Kèm theo QĐ số: /QĐ-ĐHSP ngày tháng năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên)

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tiền 01 tháng (VNĐ)	Lớp	Khoa	Ghi chú
1	DTS235D140201028	Hoàng Thị Diệu	1.518.000	GD Mầm non K58A	GDMN	
2	DTS235D140201037	Quách Thị Giang	1.518.000	GD Mầm non K58A	GDMN	
3	DTS235D140201055	Lầu Thị Mai Hoa	1.518.000	GD Mầm non K58A	GDMN	
4	DTS235D140201106	Đinh Thị Hương Ly	1.518.000	GD Mầm non K58A	GDMN	
5	DTS235D140201112	Giàng Thị My	1.518.000	GD Mầm non K58A	GDMN	
6	DTS235D140201127	Mào Thị Hồng Ngọc	1.518.000	GD Mầm non K58A	GDMN	
7	DTS235D140201142	Nông Thị Thu Phương	1.518.000	GD Mầm non K58A	GDMN	
8	DTS235D140201199	Chu Thị Vui	1.518.000	GD Mầm non K58A	GDMN	
9	DTS235D140201008	Triệu Thị Bẩy	1.518.000	GD Mầm non K58B	GDMN	
10	DTS235D140201020	Lò Thị Chương	1.518.000	GD Mầm non K58B	GDMN	
11	DTS235D140201062	Lò Thị Hồng	1.518.000	GD Mầm non K58B	GDMN	
12	DTS235D140201086	Hà Thị Vĩnh Lê	1.518.000	GD Mầm non K58B	GDMN	
13	DTS235D140201089	Nông Thị Khánh Linh	1.518.000	GD Mầm non K58B	GDMN	
14	DTS235D140201110	Lường Thị Mai	1.518.000	GD Mầm non K58B	GDMN	
15	DTS235D140201131	Hoàng Thị Nguyệt	1.518.000	GD Mầm non K58B	GDMN	
16	DTS235D140201137	Lò Thị Oanh	1.518.000	GD Mầm non K58B	GDMN	
17	DTS235D140201188	Nông Thị Thanh Tú	1.518.000	GD Mầm non K58B	GDMN	
18	DTS235D140201152	Thào Thị Thanh	1.518.000	GD Mầm non K58B	GDMN	
19	DTS235D140201158	Nông Thị Thảo	1.518.000	GD Mầm non K58B	GDMN	
20	DTS235D140201182	Nông Thị Bích Trang	1.518.000	GD Mầm non K58B	GDMN	
21	DTS235D140201194	Sùng Thị Hoàng Vân	1.518.000	GD Mầm non K58B	GDMN	
22	DTS235D140201015	Xa Huyền Châm	1.518.000	GD Mầm non K58C	GDMN	
23	DTS235D140201057	Lý Mì Hoa	1.518.000	GD Mầm non K58C	GDMN	
24	DTS235D140201051	Nguyễn Thu Hiền	1.518.000	GD Mầm non K58C	GDMN	
25	DTS235D140201069	La Thu Hường	1.518.000	GD Mầm non K58C	GDMN	
26	DTS235D140201087	Lý Mẩy Liềm	1.518.000	GD Mầm non K58C	GDMN	
27	DTS235D140201090	Nông Thị Thùy Linh	1.518.000	GD Mầm non K58C	GDMN	
28	DTS235D140201114	Vừ Thị Na	1.518.000	GD Mầm non K58C	GDMN	
29	DTS235D140201135	Thang Triệu Yến Nhi	1.518.000	GD Mầm non K58C	GDMN	
30	DTS245D140201009	Lương Ngọc Ánh	1.518.000	GD Mầm non K59A	GDMN	
31	DTS245D140201041	Hoàng Thị Hương Giang	1.518.000	GD Mầm non K59A	GDMN	
	DTS245D140201057	Hoàng Thị Hậu	1.518.000	GD Mầm non K59A	GDMN	
33	DTS245D140201093	Ngọc Tâm Lan	1.518.000	GD Mầm non K59A	GDMN	
34	DTS245D140201157	Thẩm Bích Phượng	1.518.000	GD Mầm non K59A	GDMN	
35	DTS245D140201161	Lò Thị Quỳnh	1.518.000	GD Mầm non K59A	GDMN	
36	DTS245D140201169	Ngôn Thị Thanh Tâm	1.518.000	GD Mầm non K59A	GDMN	
37	DTS245D140201181	Thang Thị Kiều Thơm	1.518.000	GD Mầm non K59A	GDMN	
38	DTS245D140201193	Nông Thị Thúy	1.518.000	GD Mầm non K59A	GDMN	
39	DTS245D140201189	Triệu Thị Huyền Thương	1.518.000	GD Mầm non K59A	GDMN	
40	DTS245D140201225	Lý Thảo Vy	1.518.000	GD Mầm non K59A	GDMN	
41	DTS245D140201002	Chu Thị Lan Anh	1.518.000	GD Mầm non K59B	GDMN	
42	DTS245D140201022	Vàng Thị Đề	1.518.000	GD Mầm non K59B	GDMN	
43	DTS245D140201114	Đào Thị Mai	1.518.000	GD Mầm non K59B	GDMN	

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tiền 01 tháng (VNĐ)	Lớp	Khoa	Ghi chú
44	DTS245D140201166	Vừ Thị Sía	1.518.000	GD Mầm non K59B	GDMN	
45	DTS245D140201178	Mã Hồng Thơ	1.518.000	GD Mầm non K59B	GDMN	
46	DTS245D140201194	La Thị Thúy	1.518.000	GD Mầm non K59B	GDMN	
47	DTS245D140201003	Nông Thị Quỳnh Anh	1.518.000	GD Mầm non K59C	GDMN	
48	DTS245D140201015	Chu Thị Chi	1.518.000	GD Mầm non K59C	GDMN	
49	DTS245D140201039	Phạm Thị Hồng Gấm	1.518.000	GD Mầm non K59C	GDMN	
50	DTS245D140201055	Hứa Thị Thu Hằng	1.518.000	GD Mầm non K59C	GDMN	
51	DTS245D140201131	Sừng Minh Nguyệt	1.518.000	GD Mầm non K59C	GDMN	
52	DTS245D140201187	Mã Thị Minh Thư	1.518.000	GD Mầm non K59C	GDMN	
53	DTS245D140201222	Nguyễn Thị Hồng Vân	1.518.000	GD Mầm non K59C	GDMN	
54	DTS245D140201052	Đinh Thúy Hằng	1.518.000	GD Mầm non K59D	GDMN	
55	DTS245D140201060	Hoàng Thị Thu Hiền	1.518.000	GD Mầm non K59D	GDMN	
56	DTS245D140201084	Ma Thị Ngọc Huyền	1.518.000	GD Mầm non K59D	GDMN	
57	DTS245D140201104	Lò Thị Hà Linh	1.518.000	GD Mầm non K59D	GDMN	
58	DTS245D140201120	Hoàng Thị Trà My	1.518.000	GD Mầm non K59D	GDMN	
59	DTS255D140201273	Triệu Thị Hương	1.518.000	GD Mầm non K60A1	GDMN	
60	DTS255D140201536	Lầu Thị Phai	1.518.000	GD Mầm non K60A1	GDMN	
61	DTS255D140201588	Đặng Mùi Sểnh	1.518.000	GD Mầm non K60A1	GDMN	
62	DTS255D140201345	Lò Thị Diệu Linh	1.518.000	GD Mầm non K60A1	GDMN	
63	DTS255D140201463	Bùi Thị Hồng Ngọc	1.518.000	GD Mầm non K60A1	GDMN	
64	DTS255D140201914	Bùi Thị Kim Chi	1.518.000	GD Mầm non K60A10	GDMN	
65	DTS255D140201225	Liễu Thị Hoa	1.518.000	GD Mầm non K60A10	GDMN	
66	DTS255D140201306	Phan Thị Hương Lan	1.518.000	GD Mầm non K60A10	GDMN	
67	DTS255D140201480	Bùi Thị Thảo Nguyên	1.518.000	GD Mầm non K60A10	GDMN	
68	DTS255D140201587	Sùng Thị Sâu	1.518.000	GD Mầm non K60A10	GDMN	
69	DTS255D140201597	Phà Thị Ta	1.518.000	GD Mầm non K60A10	GDMN	
70	DTS255D140201625	Lỳ Gô Thanh	1.518.000	GD Mầm non K60A10	GDMN	
71	DTS255D140201077	Hà Kim Chi	1.518.000	GD Mầm non K60A2	GDMN	
72	DTS255D140201429	Sùng Thị Giàng Mỷ	1.518.000	GD Mầm non K60A2	GDMN	
73	DTS255D140201438	Lò Thị Nga	1.518.000	GD Mầm non K60A2	GDMN	
74	DTS255D140201513	Hờ Thị Nhung	1.518.000	GD Mầm non K60A2	GDMN	
	DTS255D140201537	Lý Gấm Phin	1.518.000	GD Mầm non K60A2	GDMN	
	DTS255D140201810	Rơ Lan Hần	1.518.000	GD Mầm non K60A2	GDMN	
77	DTS255D140201668	Nông Thị Diệu Thu	1.518.000	GD Mầm non K60A2	GDMN	
78	DTS255D140201767	Lầu Thị Va	1.518.000	GD Mầm non K60A2	GDMN	
79	DTS255D140201202	Bùi Thu Hằng	1.518.000	GD Mầm non K60A3	GDMN	
80	DTS255D140201208	Vương Thị Hậu	1.518.000	GD Mầm non K60A3	GDMN	
81	DTS255D140201228	Đường Thị Ngọc Hòa	1.518.000	GD Mầm non K60A3	GDMN	
82	DTS255D140201328	Lý Diễn Liềm	1.518.000	GD Mầm non K60A3	GDMN	
83	DTS255D140201337	Lò Thùy Linh	1.518.000	GD Mầm non K60A3	GDMN	
84	DTS255D140201384	Lò Thị Khánh Ly	1.518.000	GD Mầm non K60A3	GDMN	
85	DTS255D140201538	Ma Ánh Phương	1.518.000	GD Mầm non K60A3	GDMN	
86	DTS255D140201791	Giàng Thị Xoa	1.518.000	GD Mầm non K60A3	GDMN	
87	DTS255D140201089	Lương Thị Yến Chi	1.518.000	GD Mầm non K60A4	GDMN	
88	DTS255D140201107	Thào Thị Diến	1.518.000	GD Mầm non K60A4	GDMN	
89	DTS255D140201203	Phạm Thị Hằng	1.518.000	GD Mầm non K60A4	GDMN	
90	DTS255D140201249	Lưu Thị Thu Huyền	1.518.000	GD Mầm non K60A4	GDMN	
91	DTS255D140201329	Giàng Thị Liên	1.518.000	GD Mầm non K60A4	GDMN	
92	DTS255D140201584	Bàn Thị Như Quỳnh	1.518.000	GD Mầm non K60A4	GDMN	
93	DTS255D140201220	Chá Thị Hoa	1.518.000	GD Mầm non K60A5	GDMN	

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tiền 01 tháng (VNĐ)	Lớp	Khoa	Ghi chú
94	DTS255D140201230	Lý Mộng Hoài	1.518.000	GD Mầm non K60A5	GDMN	
95	DTS255D140201301	Vừ Thị Lai	1.518.000	GD Mầm non K60A5	GDMN	
96	DTS255D140201320	Vương Thị Lành	1.518.000	GD Mầm non K60A5	GDMN	
97	DTS255D140201330	Lang Thị Cẩm Liên	1.518.000	GD Mầm non K60A5	GDMN	
98	DTS255D140201393	Triệu Thị Mai	1.518.000	GD Mầm non K60A5	GDMN	
99	DTS255D140201431	Lương Thị Chi Na	1.518.000	GD Mầm non K60A5	GDMN	
100	DTS255D140201482	Trần Thị Thu Nguyệt	1.518.000	GD Mầm non K60A5	GDMN	
101	DTS255D140201457	Bế Thị Ngần	1.518.000	GD Mầm non K60A5	GDMN	
102	DTS255D140201477	Bùi Phương Ngọc	1.518.000	GD Mầm non K60A5	GDMN	
103	DTS255D140201677	Phàn Thị Thúy	1.518.000	GD Mầm non K60A5	GDMN	
104	DTS255D140201762	Mạc Thị Mai Uyên	1.518.000	GD Mầm non K60A6	GDMN	
105	DTS255D140201752	Nguyễn Cao Huyền Trân	1.518.000	GD Mầm non K60A6	GDMN	
106	DTS255D140201785	Hoàng Thị Xai	1.518.000	GD Mầm non K60A6	GDMN	
107	DTS255D140201110	Lê Thị Thu Diệp	1.518.000	GD Mầm non K60A7	GDMN	
108	DTS255D140201418	Lỳ Ló Mư	1.518.000	GD Mầm non K60A7	GDMN	
109	DTS255D140201604	Đinh Thị Thủy Tiên	1.518.000	GD Mầm non K60A7	GDMN	
110	DTS255D140201614	Lù Thị Ánh Tuyết	1.518.000	GD Mầm non K60A7	GDMN	
111	DTS255D140201777	Chảo Thị Vìn	1.518.000	GD Mầm non K60A7	GDMN	
112	DTS255D140201533	Đinh Thị Kim Oanh	1.518.000	GD Mầm non K60A7	GDMN	
113	DTS255D140201101	Thào Thị Di	1.518.000	GD Mầm non K60A7	GDMN	
114	DTS255D140201701	Quách Thị Trà	1.518.000	GD Mầm non K60A7	GDMN	
115	DTS255D140201694	Đường Mai Thương	1.518.000	GD Mầm non K60A8	GDMN	
116	DTS255D140201957	Phàng Thị Dủ	1.518.000	GD Mầm non K60A8	GDMN	
117	DTS255D140201053	Trần Hà Ngọc Bảo	1.518.000	GD Mầm non K60A9	GDMN	
118	DTS255D140201254	Dương Thị Huyền	1.518.000	GD Mầm non K60A9	GDMN	
119	DTS255D140201397	Hoàng Thị Hiền Mai	1.518.000	GD Mầm non K60A9	GDMN	
120	DTS267140201031	Bàn Thị Hương Giang	1.518.000	GD Mầm non K61A1	GDMN	
121	DTS267140201046	Ma TThijBichs Huệ	1.518.000	GD Mầm non K61A1	GDMN	
122	DTS267140201040	Địch Thị Hiền	1.518.000	GD Mầm non K61A1	GDMN	
123	DTS267140201094	Ma Thị Nga	1.518.000	GD Mầm non K61A1	GDMN	
124	DTS267140201118	Vương Nguyễn Yến Nhi	1.518.000	GD Mầm non K61A1	GDMN	
125	DTS267140201142	Đồng Trần Thanh Thúy	1.518.000	GD Mầm non K61A1	GDMN	
126	DTS267140201119	Lò Thị Hà Nhung	1.518.000	GD Mầm non K61A2	GDMN	
127	DTS245D140212020	Hoàng A Pùa	1.518.000	Hóa học K59	Hóa học	
128	DTS267140212023	Cung Thị Hân	1.518.000	Hóa học K61A1	Hóa học	
129	DTS267140212037	Ma Thái Liên	1.518.000	Hóa học K61A1	Hóa học	
130	DTS267140212018	Nông Lê Hà	1.518.000	Hóa học K61A2	Hóa học	
131	DTS267140212016	Hoàng Thị Thu Giang	1.518.000	Hóa học K61A2	Hóa học	
132	DTS267140212046	Triệu Thùy Linh	1.518.000	Hóa học K61A2	Hóa học	
133	DTS267140212014	Lý Trung Đường	1.518.000	Hóa học K61A2	Hóa học	
134	DTS235D140219029	Hoàng Thị Thúy	1.518.000	Địa lý K58	Địa lý	
135	DTS235D140219031	Hà Tố Uyên	1.518.000	Địa lý K58	Địa lý	
136	DTS235D140219030	Bế Đình Trần	1.518.000	Địa lý K58	Địa lý	
137	DTS235D140219033	Phùng Quốc Việt	1.518.000	Địa lý K58	Địa lý	
138	DTS235D140249009	Hoàng Văn Đảng	1.518.000	Lịch sử - Địa lý K58	Địa lý	
139	DTS235D140249004	Ma Thị Bình	1.518.000	Lịch sử - Địa lý K58	Địa lý	
140	DTS235D140249054	Hoàng Thị Phin	1.518.000	Lịch sử - Địa lý K58	Địa lý	
141	DTS235D140249059	Nông Thanh Thảo	1.518.000	Lịch sử - Địa lý K58	Địa lý	
142	DTS245D140219022	Xa Thúy Vinh	1.518.000	Địa lý K59	Địa lý	
143	DTS245D140249042	Bế Ích Tuân	1.518.000	Lịch sử -Địa lý K59	Địa lý	

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tiền 01 tháng (VNĐ)	Lớp	Khoa	Ghi chú
144	DTS245D140249011	Lý Bích Hảo	1.518.000	Lịch sử -Địa lý K59	Địa lý	
145	DTS245D140249021	Nông Thị Vân Ly	1.518.000	Lịch sử -Địa lý K59	Địa lý	
146	DTS245D140249026	Đàm Thị Nguyệt	1.518.000	Lịch sử -Địa lý K59	Địa lý	
147	DTS245D140249031	Dương Thị Tâm	1.518.000	Lịch sử -Địa lý K59	Địa lý	
148	DTS245D140249040	Vi Đình Trọng	1.518.000	Lịch sử -Địa lý K59	Địa lý	
149	DTS245D140249041	Nông Thị Thanh Tú	1.518.000	Lịch sử -Địa lý K59	Địa lý	
150	DTS245D140249014	Ma Thị Thu Hường	1.518.000	Lịch sử -Địa lý K59	Địa lý	
151	DTS245D140249019	Lý Thị Khuyên	1.518.000	Lịch sử -Địa lý K59	Địa lý	
152	DTS255D140249079	Vương Thanh Duy	1.518.000	Lịch sử -Địa lý K60	Địa lý	
153	DTS255D140249037	Sùng Mí Sình	1.518.000	Lịch sử -Địa lý K60	Địa lý	
154	DTS255D140249018	Thào Thị Mây Hoa	1.518.000	Lịch sử -Địa lý K60	Địa lý	
155	DTS255D140249064	Nông Thị Son	1.518.000	Lịch sử -Địa lý K60	Địa lý	
156	DTS255D140249069	Sin Thị Tươi	1.518.000	Lịch sử -Địa lý K60	Địa lý	
157	DTS255D140249047	Thào A Vếnh	1.518.000	Lịch sử -Địa lý K60	Địa lý	
158	DTS255D140219016	Triệu Thị Hà	1.518.000	Địa lý K60 A1	Địa lý	
159	DTS255D140219021	Ma Thị Hằng	1.518.000	Địa lý K60 A1	Địa lý	
160	DTS255D140219101	Hoàng Thị Thanh Nhã	1.518.000	Địa lý K60 A1	Địa lý	
161	DTS255D140219051	Nông Thị Thi	1.518.000	Địa lý K60 A1	Địa lý	
162	DTS255D140219052	Quàng Thị Thi	1.518.000	Địa lý K60 A2	Địa lý	
163	DTS255D140219026	Nguyễn Thị Hòa	1.518.000	Địa lý K60 A2	Địa lý	
164	DTS255D140219030	Nông Thị Thùy Linh	1.518.000	Địa lý K60 A2	Địa lý	
165	DTS267140249037	Hoàng Thị Hồng	1.518.000	Lịch sử-Địa lý K61A1	Địa lý	
166	DTS267140249053	Đàm Hoàng Mai	1.518.000	Lịch sử-Địa lý K61A1	Địa lý	
167	DTS267140249107	Hoàng Thị Vi	1.518.000	Lịch sử-Địa lý K61A1	Địa lý	
168	DTS267140249073	Chang Thị Như	1.518.000	Lịch sử-Địa lý K61A1	Địa lý	
169	DTS267140249077	Phu Gớ Phe	1.518.000	Lịch sử-Địa lý K61A1	Địa lý	
170	DTS267140219047	Đồng Phúc Khánh	1.518.000	Địa lý K61A1	Địa lý	
171	DTS267140219024	Hoàng Thùy Dương	1.518.000	Địa lý K61A2	Địa lý	
172	DTS255D140206077	Vừ Mí Phùa	1.518.000	Thể chất A2K60	TDTT	
173	DTS255D140206019	Nguyễn Quang Đại	1.518.000	Thể chất A2K60	TDTT	
174	DTS255D140206025	Triệu Minh Độ	1.518.000	Thể chất A2K60	TDTT	
175	DTS255D140206039	Vũ Quốc Hùng	1.518.000	Thể chất A2K60	TDTT	
176	DTS235D140206007	Triệu Ánh Cúc	1.518.000	Thể chất K58	TDTT	
177	DTS235D140206030	Triệu Thị Huyền	1.518.000	Thể chất K58	TDTT	
178	DTS255D810302035	Hoàng Thanh Trúc	1.518.000	HLTT K60	TDTT	
179	DTS255D810302007	Nông Quốc Bình	1.518.000	HLTT K60	TDTT	
180	DTS245D140206040	Luân Thanh Tùng	1.518.000	Thể chất K59	TDTT	
181	DTS267810302054	Ly Seo Xình	1.518.000	HLTT K61	TDTT	
182	DTS267810302001	Lèng Duy Anh	1.518.000	HLTT K61	TDTT	
183	DTS267140206069	Chẩu Quyền Linh	1.518.000	GDTC K61A1	TDTT	
184	DTS267140206111	Mông Vĩnh Tuân	1.518.000	GDTC K61A1	TDTT	
185	DTS267140206081	Phùng Kiềm Minh	1.518.000	GDTC K61A1	TDTT	
186	DTS267140206123	Đặng Thị Thu Thuỳ	1.518.000	GDTC K61A1	TDTT	
187	DTS267140206046	Nguyễn Tiến Hoàng	1.518.000	GDTC K61A2	TDTT	
188	DTS267140206008	Phàng A Bành	1.518.000	GDTC K61A2	TDTT	
189	DTS235D140217075	Nông Kim Tuyến	1.518.000	SP Ngữ văn K58A	Khoa Ngữ Văn	
190	DTS235D140217078	Bùi Thị Thảo Vân	1.518.000	SP Ngữ văn K58A	Khoa Ngữ Văn	
191	DTS235D140217010	Lường Thị Dung	1.518.000	SP Ngữ văn K58A	Khoa Ngữ Văn	
192	DTS235D140217063	Pờ Ly Thu	1.518.000	SP Ngữ văn K58A	Khoa Ngữ Văn	
193	DTS235D140217070	Hoàng Thị Thùy	1.518.000	SP Ngữ văn K58A	Khoa Ngữ Văn	

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tiền 01 tháng (VNĐ)	Lớp	Khoa	Ghi chú
194	DTS235D140217065	Hoàng Thị Thư	1.518.000	SP Ngữ văn K58A	Khoa Ngữ Văn	
195	DTS235D140217023	Hoàng Văn Hiếu	1.518.000	SP Ngữ văn K58B	Khoa Ngữ Văn	
196	DTS235D140217018	Nông Phương Giao	1.518.000	SP Ngữ văn K58B	Khoa Ngữ Văn	
197	DTS235D140217082	Nguyễn Bích Hợp	1.518.000	SP Ngữ văn K58B	Khoa Ngữ Văn	
198	DTS235D140217024	Giàng Thị Thu Hoa	1.518.000	SP Ngữ văn K58A	Khoa Ngữ Văn	
199	DTS245D140217017	Lý Thị Hằng	1.518.000	SP Ngữ văn K59A	Ngữ văn	
200	DTS245D140217093	Vàng Thùy Trinh	1.518.000	SP Ngữ văn K59A	Ngữ văn	
201	DTS245D140217061	Thền Ngọc Oanh	1.518.000	SP Ngữ văn K59A	Ngữ văn	
202	DTS245D140217025	Bế Thị Kim Hồng	1.518.000	SP Ngữ văn K59A	Ngữ văn	
203	DTS245D140217015	Nông Thị Thu Hà	1.518.000	SP Ngữ văn K59A	Ngữ văn	
204	DTS245D140217082	Nguyễn Đàm Minh Thư	1.518.000	SP Ngữ văn K59B	Ngữ văn	
205	DTS245D140217046	Triệu Thị Lý	1.518.000	SP Ngữ văn K59B	Ngữ văn	
206	DTS245D140217068	Quách Thị Hồng Quyên	1.518.000	SP Ngữ văn K59B	Ngữ văn	
207	DTS245D140217100	Lường Thị Xuân	1.518.000	SP Ngữ văn K59B	Ngữ văn	
208	DTS245D140217080	Hoàng Thị Thoan	1.518.000	SP Ngữ văn K59B	Ngữ văn	
209	DTS245D140217014	Bùi Thị Thùy Duyên	1.518.000	SP Ngữ văn K59B	Ngữ văn	
210	DTS255D140217217	Bùi Thanh Hiếu	1.518.000	SP Ngữ văn K60A1	Ngữ Văn	
211	DTS255D140217040	Hứa Ngọc Hân	1.518.000	SP Ngữ văn K60A2	Ngữ Văn	
212	DTS255D140217179	Bùi Thị Yến	1.518.000	SP Ngữ văn K60A2	Ngữ Văn	
213	DTS255D140217064	Vàng Thị Lành	1.518.000	SP Ngữ văn K60A2	Ngữ Văn	
214	DTS255D140217063	Ma Thị Mai Lan	1.518.000	SP Ngữ văn K60A1	Ngữ văn	
215	DTS255D140217033	La Thị Hà	1.518.000	SP Ngữ văn K60A3	Ngữ Văn	
216	DTS255D140217066	Thí Thùy Lim	1.518.000	SP Ngữ văn K60A3	Ngữ Văn	
217	DTS255D140217208	Nông Thị Thu Hằng	1.518.000	SP Ngữ văn K60A3	Ngữ Văn	
218	DTS255D140217154	Dương Huyền Trang	1.518.000	SP Ngữ văn K60A3	Ngữ Văn	
219	DTS255D140217209	Phùng Mùi Diết	1.518.000	SP Ngữ văn K60A3	Ngữ Văn	
220	DTS255D140217090	Hà Thị Minh	1.518.000	SP Ngữ văn K60A3	Ngữ Văn	
221	DTS255D140217222	Dương Mai Hương	1.518.000	SP Ngữ văn K60A3	Ngữ Văn	
222	DTS255D140217128	Đặng Thị Diễm Quỳnh	1.518.000	SP Ngữ văn K60A3	Ngữ Văn	
223	DTS235D140231046	Hạc Thị Huyền	1.518.000	SP Tiếng Anh K58B	Ngoại ngữ	
224	DTS235D140231043	Lường Thị Hoài Hương	1.518.000	SP Tiếng Anh K58A	Ngoại ngữ	
225	DTS245D140231073	Tăng Thị Như Quỳnh	1.518.000	SP Tiếng Anh K59C	Ngoại ngữ	
226	DTS245D140231016	Nông Thị Ngọc Chiêm	1.518.000	SP Tiếng Anh K59A	Ngoại ngữ	
227	DTS245D140231093	Ngô Thanh Trúc	1.518.000	SP Tiếng Anh K59B	Ngoại ngữ	
228	DTS245D140231077	Vừ Thị Sư	1.518.000	SP Tiếng Anh K59C	Ngoại ngữ	
229	DTS245D140231029	Trung Thu Hiền	1.518.000	SP Tiếng Anh K59C	Ngoại ngữ	
230	DTS267140231117	Lâm Chiêu Quân	1.518.000	SP Tiếng Anh K61A3	Ngoại ngữ	
231	DTS267140217151	Hoàng Thị Thuyên	1.518.000	SP Ngữ văn K61A1	Ngữ Văn	
232	DTS267140217064	Trương Thị Hoa	1.518.000	SP Ngữ văn K61A1	Ngữ Văn	
233	DTS267140217120	Vy Yến Nhi	1.518.000	SP Ngữ văn K61A3	Ngữ Văn	
234	DTS267140217093	Hoàng Thị Loan	1.518.000	SP Ngữ văn K61A3	Ngữ Văn	
235	DTS267140217162	Ma Thị Bảo Trâm	1.518.000	SP Ngữ văn K61A3	Ngữ Văn	
236	DTS267140217081	Bế Thị Khánh Linh	1.518.000	SP Ngữ văn K61A3	Ngữ Văn	
237	DTS267140217003	Hứa Vân Anh	1.518.000	SP Ngữ văn K61A3	Ngữ Văn	
238	DTS235D140205021	Hoàng Thị Tình	1.518.000	Giáo dục Chính trị K58	GDCT	
239	DTS235D140205015	Bùi Thị Kim Phúc	1.518.000	Giáo dục Chính trị K58	GDCT	
240	DTS235D140205012	Triệu Thị Nhớ	1.518.000	Giáo dục Chính trị K58	GDCT	
241	DTS245D140205004	Lý Thị Cống	1.518.000	Giáo dục Chính trị K59	GDCT	
242	DTS245D140205010	Dương Thị Hiền	1.518.000	Giáo dục Chính trị K59	GDCT	
243	DTS255D140205012	Lường Thị Tuyết	1.518.000	Giáo dục Chính trị K60	GDCT	

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tiền 01 tháng (VNĐ)	Lớp	Khoa	Ghi chú
244	DTS255D140204038	Bùi Thị Vui	1.518.000	Giáo dục Công dân K60	GDCT	
245	DTS255D140204052	Xa Thị Thu Huệ	1.518.000	Giáo dục Công dân K60	GDCT	
246	DTS255D140204040	Hoàng Thị Yến	1.518.000	Giáo dục Công dân K60	GDCT	
247	DTS255D140204013	Hà Minh Hạ	1.518.000	Giáo dục Công dân K60	GDCT	
248	DTS245D140202066	Nguyễn Kim Hồng	1.518.000	GD Tiểu học K59A	GDTH	
249	DTS245D140202031	Triệu Thị Chi	1.518.000	GD Tiểu học K59A	GDTH	
250	DTS245D140202074	Nguyễn Thị Thu Huyền	1.518.000	GD Tiểu học K59C	GDTH	
251	DTS235D140202159	Sùng Thị Nừ	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K58B	GDTH	
252	DTS235D140202072	Bùi Thị Hậu	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K58B	GDTH	
253	DTS235D140202146	Ma Thị Ngân	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K58C	GDTH	
254	DTS255D140202234	Dương Thị Thu Hường	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K60A1	GDTH	
255	DTS255D140202305	Nguyễn Thị Khánh Ly	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K60A1	GDTH	
256	DTS255D140202252	Nông Thị Lanh	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K60A1	GDTH	
257	DTS255D140202481	Trần Hoài Thanh	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K60A1	GDTH	
258	DTS255D140202298	Trịnh Thị Kim Loan	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K60A2	GDTH	
259	DTS255D140202470	Hoàng Thanh Tùng	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K60A2	GDTH	
260	DTS255D140202419	Triệu Nguyên Phúc	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K60A2	GDTH	
261	DTS255D140202586	Hoàng Thu Trang	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K60A2	GDTH	
262	DTS255D140202429	Nông Thị Phượng	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K60A2	GDTH	
263	DTS255D140202185	Nông Thị Hiền	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K60A2	GDTH	
264	DTS255D140202739	Chảo Mùi San	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K60A3	GDTH	
265	DTS255D140202491	Cung Thị Thảo	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K60A3	GDTH	
266	DTS255D140202211	Nguyễn Khánh Huyền	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K60A3	GDTH	
267	DTS255D140202421	Vàng Văn Phúc	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K60A4	GDTH	
268	DTS255D140202471	Đinh Thị Thanh Tuyền	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K60A5	GDTH	
269	DTS255D140202061	Hoàng Thanh Bình	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K60A5	GDTH	
270	DTS255D140202422	Đỗ Thị Thanh Phương	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K60A5	GDTH	
271	DTS255D140202076	Lô Thị Huyền Chi	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K60A5	GDTH	
272	DTS255D140202395	Đinh Thị Phương Nhi	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K60A5	GDTH	
273	DTS255D140202263	Vừ Thị Linh	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K60A6	GDTH	
274	DTS255D140202433	Bàn Tứ Quý	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K60A6	GDTH	
275	DTS255D140202415	Lỳ Lòng Pư	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K60A6	GDTH	
276	DTS255D140202237	Nông Quang Khải	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K60A6	GDTH	
277	DTS255D140202078	Bùi Thị Linh Chi	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K60A7	GDTH	
278	DTS255D140202624	Lâm Thị Yến	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K60A8	GDTH	
279	DTS255D140202461	Nông Dương Tình	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K60A8	GDTH	
280	DTS255D140202227	Đinh Thùy Hương	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K60A8	GDTH	
281	DTS255D140202727	Hoàng Thu Hà	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K60A8	GDTH	
282	DTS255D140202408	Hà Thị Oanh	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K60A8	GDTH	
283	DTS267140202170	Sùng A Hờ	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K61A2	GDTH	
284	DTS267140202178	Lý Việt Hùng	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K61A2	GDTH	
285	DTS267140202553	Quan Thị Thảo Vi	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K61A1	GDTH	
286	DTS267140202067	Đặng Quỳnh Chi	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K61A3	GDTH	
287	DTS267140202331	Hoàng Kim Ngân	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K61A3	GDTH	
288	DTS267140202427	Hầu Thị Tám	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K61A3	GDTH	
289	DTS267140202392	Lý Thị Hồng Nhung	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K61A8	GDTH	
290	DTS267140202480	Tòng Thị Thởi	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K61A8	GDTH	
291	DTS267140202447	Dương Thị Ánh Tuyết	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K61A7	GDTH	
292	DTS267140202404	Nguyễn Thị Kim Oanh	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K61A4	GDTH	
293	DTS267140202380	Lường Thị Uyên Nhi	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K61A4	GDTH	

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tiền 01 tháng (VNĐ)	Lớp	Khoa	Ghi chú
294	DTS267140202564	Hoàng Yến	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K61A4	GDTH	
295	DTS267140202086	Doanh Thùy Diễm	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K61A6	GDTH	
296	DTS267140202142	Quan Thị Hồng Hạnh	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K61A6	GDTH	
297	DTS267140202238	Đặng Huyền Linh	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K61A6	GDTH	
298	DTS267140202325	Lò Thị Nga	1.518.000	Giáo dục Tiểu học K61A5	GDTH	
299	DTS267140204005	Đặng Ngọc Châu	1.518.000	Giáo dục Công dân K61	GDCT	
300	DTS267140204038	Hoàng Thị Minh Phương	1.518.000	Giáo dục Công dân K61	GDCT	
301	DTS267140204010	Triệu Thị Mỹ Diệu	1.518.000	Giáo dục Công dân K61	GDCT	
302	DTS267140204049	Triệu Thị Anh Thư	1.518.000	Giáo dục Công dân K61	GDCT	
303	DTS267140205007	Hoàng Ngọc Hà	1.518.000	Giáo dục Chính trị K61	GDCT	
304	DTS267140205015	Lành Quỳnh Na	1.518.000	Giáo dục Chính trị K61	GDCT	
305	DTS267140218037	Bùi Thanh Mai	1.518.000	SP Lịch sử K61	Lịch sử	
306	DTS267140218043	Hoàng Thị Nghi	1.518.000	SP Lịch sử K61	Lịch sử	
307	DTS267140218024	Hoàng Thị Hoa	1.518.000	SP Lịch sử K61	Lịch sử	
308	DTS267140218030	Ma Thị Phương Lan	1.518.000	SP Lịch sử K61	Lịch sử	
309	DTS255D140218059	Nông Kim Xuân	1.518.000	SP Lịch sử K60	Lịch sử	
310	DTS255D140218005	Trương Triệu Ngọc Diễm	1.518.000	SP Lịch sử K60	Lịch sử	
311	DTS255D140218017	Hoàng Gia Hưng	1.518.000	SP Lịch sử K60	Lịch sử	
312	DTS255D140218088	Hoàng Văn Lam	1.518.000	SP Lịch sử K60	Lịch sử	
313	DTS245D140218004	Hờ A Cử	1.518.000	SP Lịch sử K59	Lịch sử	
314	DTS245D140218014	Lê Thị Hương Lan	1.518.000	SP Lịch sử K59	Lịch sử	
315	DTS235D140218025	Bùi Thị Mai Thương	1.518.000	SP Lịch sử K58	Lịch sử	
316	DTS235D140218003	Chu Thị Ngọc Ánh	1.518.000	SP Lịch sử K58	Lịch sử	
317	DTS235D140218006	Tô Minh Điệp	1.518.000	SP Lịch sử K58	Lịch sử	
318	DTS235D140218016	Nông Thị Linh	1.518.000	SP Lịch sử K58	Lịch sử	
319	DTS235D140218020	Lê Tú Quỳnh	1.518.000	SP Lịch sử K58	Lịch sử	
320	DTS235D140218027	Triệu Thanh Thảo	1.518.000	SP Lịch sử K58	Lịch sử	
321	DTS235D140210072	Phìn Thị Viên	1.518.000	Tin K58	Khoa Toán	
322	DTS235D140210064	Chim Thị Thoa	1.518.000	Tin K58	Khoa Toán	
323	DTS235D140209009	Lý Thị Thanh Chúc	1.518.000	SP Toán học K58	Khoa Toán	
324	DTS235D140209048	Chẩu Văn Nam	1.518.000	SP Toán học K58	Khoa Toán	
325	DTS235D140209050	Lường Thị Nga	1.518.000	SP Toán học K58	Khoa Toán	
326	DTS235D140209033	Sình A Lao	1.518.000	SP Toán học K58	Khoa Toán	
327	DTS245D140209035	Lâm Thị Thu Hà	1.518.000	Toán 59 ĐH CLC	Khoa Toán	
328	DTS245D140209075	Tẩn Ú Mẩy	1.518.000	Toán 59 ĐH CLC	Khoa Toán	
329	DTS245D140209053	Mông Thị Ngọc Huyền	1.518.000	SP Toán học K59A	Khoa Toán	
330	DTS245D140209090	Lường Thị Hương Quế	1.518.000	SP Toán học K59B	Khoa Toán	
331	DTS245D140209020	Lương Hồng Điệp	1.518.000	SP Toán học K59B	Khoa Toán	
332	DTS245D140210041	Vũ Khánh Ly	1.518.000	Tin K59A	Khoa Toán	
333	DTS245D140210083	La Văn Trưởng	1.518.000	Tin K59A	Khoa Toán	
334	DTS245D140210023	Nông Thế Hiển	1.518.000	Tin K59A	Khoa Toán	
335	DTS245D140210080	Bàn Quý Trọng	1.518.000	Tin K59A	Khoa Toán	
336	DTS255D140209182	Lô Thị Bích Hoài	1.518.000	SP Toán học K60A1	Khoa Toán	
337	DTS255D140209109	Vàng Mí Tủa	1.518.000	SP Toán học K60A2	Khoa Toán	
338	DTS255D140209066	Lương Chí Kiên	1.518.000	SP Toán học K60 định hướng CLC	Khoa Toán	
339	DTS255D140209125	Hà Tú Uyên	1.518.000	SP Toán học K60 định hướng CLC	Khoa Toán	
340	DTS255D140209022	Lý Mùi Coi	1.518.000	SP Toán học K60A1	Khoa Toán	
341	DTS255D140210014	Lộc Thị Bền	1.518.000	SP Tin học K60A2	Khoa Toán	
342	DTS255D140210033	Nguyễn Vũ Hoàng	1.518.000	SP Tin học K60A2	Khoa Toán	
343	DTS245D140209093	Vừ Thị Sinh	1.518.000	SP Toán học K59A	Khoa Toán	

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tiền 01 tháng (VNĐ)	Lớp	Khoa	Ghi chú
344	DTS267140209108	Hứa Chu Thị Chà My	1.518.000	SP Toán học K61A2	Khoa Toán	
345	DTS267140209062	Nguyễn Thị Hòa	1.518.000	SP Toán học K61A2	Khoa Toán	
346	DTS267140210085	Dương Thị Như Nguyệt	1.518.000	SP Tin học K61A1	Khoa Toán	
347	DTS267140210066	Hoàng Duy Mạnh	1.518.000	SP Tin học K61A2	Khoa Toán	
348	DTS267140210084	Bế Cao Nguyên	1.518.000	SP Tin học K61A2	Khoa Toán	
349	DTS245D140211016	Vàng Thị Dương Sen	1.518.000	Vật lý K59	Vật lý	
350	DTS245D140211007	Hà Thị Hiền	1.518.000	Vật lý K59	Vật lý	
351	DTS245D140211023	Hoàng Mỹ Uyên	1.518.000	Vật lý K59	Vật lý	
352	DTS255D140211041	Hứa Thị Thảo	1.518.000	Vật lý K60	Vật lý	
353	DTS255D140211040	Phạm Thị Phương Thảo	1.518.000	Vật lý K60	Vật lý	
354	DTS255D140211033	Hà Thị Ngọc Sen	1.518.000	Vật lý K60	Vật lý	
355	DTS255D140211021	Nông Thị Lệ	1.518.000	Vật lý K60	Vật lý	
356	DTS267140211001	Đinh Văn An	1.518.000	Vật lý K61A1	Vật lý	
357	DTS267140211019	La Anh Hào	1.518.000	Vật lý K61A1	Vật lý	
358	DTS267140211045	Bùi Phương Nhi	1.518.000	Vật lý K61A1	Vật lý	
359	DTS267140211026	Hà Thị Huyền	1.518.000	Vật lý K61A2	Vật lý	
360	DTS267140211064	Triệu Nông Phúc Thân	1.518.000	Vật lý K61A2	Vật lý	
361	DTS267140211058	Nguyễn Phương Thảo	1.518.000	Vật lý K61A2	Vật lý	
362	DTS245D140247054	Đàm Thị Thoa	1.518.000	KHTN K59	Sinh học	
363	DTS245D140247028	Lương Thị Liêm	1.518.000	KHTN K59	Sinh học	
364	DTS255D140213088	Lò Thị Trang	1.518.000	Sinh K60	Sinh học	
365	DTS255D140213020	Hứa Thị Minh Hằng	1.518.000	Sinh K60	Sinh học	
366	DTS255D140247055	Nông Thị Thanh Thương	1.518.000	SP Khoa học tự nhiên K60A2	Sinh học	
367	DTS255D140247037	Phan Thị Đăng Ngà	1.518.000	SP Khoa học tự nhiên K60A2	Sinh học	
368	DTS255D140247009	Vũ Thị Quỳnh Chi	1.518.000	SP Khoa học tự nhiên K60A2	Sinh học	
369	DTS267420203012	Ma Thanh Tùng	1.518.000	Sinh học Ứng dụng K61	Sinh học	
370	DTS267140213005	Hoàng Thị Ngọc Ánh	1.518.000	SP Sinh học K61	Sinh học	
371	DTS267140213035	Nông Thị Tuyết	1.518.000	SP Sinh học K61	Sinh học	
372	DTS267140247088	Trần Anh Tú	1.518.000	SP Khoa học tự nhiên K61A2	Sinh học	
373	DTS267140101037	Ma Thị Mai	1.518.000	GD học-K61	Tâm Lý GD	
374	DTS267140101053	Lý Tấn Quốc	1.518.000	GD học-K61	Tâm Lý GD	
375	DTS267310403010	Bàn Văn Doanh	1.518.000	TLHGD-K61	Tâm Lý GD	
376	DTS267310403026	Hoàng Thị Kiều	1.518.000	TLHGD-K61	Tâm Lý GD	
377	DTS267310403019	Hoàng Thị Mai Hoa	1.518.000	TLHGD-K61	Tâm Lý GD	
378	DTS255D310403021	Hoàng Thị Yến Nhi	1.518.000	TLHGD-K60	Tâm Lý GD	
379	DTS255D310403054	Nông Thị Khánh Ly	1.518.000	TLHGD-K60	Tâm Lý GD	
380	DTS255D310403065	Lường Gia Khiên	1.518.000	TLHGD-K60	Tâm Lý GD	
381	DTS255D140101062	Hứa Thị Bảo Nhi	1.518.000	GD học-K60	Tâm Lý GD	
382	DTS255D140101037	Triệu Tuấn Thanh	1.518.000	GD học-K60	Tâm Lý GD	
383	DTS245D140101035	Lãnh Minh Thao	1.518.000	GD học-K59	Tâm Lý GD	
384	DTS245D140101024	Lý Thị Luyến	1.518.000	GD học-K59	Tâm Lý GD	
385	DTS245D140101014	La Thị Hương	1.518.000	GD học-K59	Tâm Lý GD	
386	DTS235D310403017	Triệu Thị Huệ	1.518.000	TLHGD-K58	Tâm Lý GD	
TỔNG			**585.948.000**	**x**	**x**	**x**

Ấn định danh sách: 386 Sinh viên./.